

Bản án số: 42 /2019/HS-ST
Ngày 27/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thúy Kiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Thiêm;

Ông Phạm Lành;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Nam Thái- Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái
Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên;**

Hôm nay, ngày 27/02/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2019/TLST-HS ngày 23/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Mạnh D, sinh ngày 06/8/1981, tại tỉnh Thái Nguyên (không có tên gọi khác); Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 6, phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Chức vụ (Đảng, Chính quyền; Đoàn thể) trước khi phạm tội: Không;

Con ông Trần Xuân H, sinh năm 1958, bà Phạm Thị T, sinh năm 1959 (đã chết); Vợ là Lương Thị Thúy K, sinh năm 1983, đã ly hôn; Có 02 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011). Gia đình có 02 anh, em bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 14/10/2011 bị Công an phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”- Biên lai thu tiền phạt ngày 18/10/2011;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào. Hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt);

+ Bị hại: **Chị Lò Thị P**, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2001;

+ Đại diện theo pháp luật của bị hại: **Ông Lò Văn P**, sinh năm 1980 (cha đẻ chị P);

Cùng đăng ký HKTT và ở: Bản Mường Luân 2, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt);

+ Người chứng kiến:

1. Anh **Trần Bảo Đ**, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 7, phường Phú Xá, TP Thái Nguyên;

2. Anh **Nguyễn Tiến Đ**, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 4, phường Túc Duyên, TP Thái Nguyên;

3. **Hoàng Thị L**, sinh năm 1976;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên;

(các đương sự đều vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/12/2018, Trần Mạnh D cùng một số người bạn đến hát tại phòng 3 tầng 2 của quán hát Karaoke mang tên Đạt Tâm, tại tổ 04, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên- do anh Nguyễn Tiến Đ làm chủ. Chị Lò Thị P là nhân viên của quán hát có tham gia hát, rót bia phục vụ khách tại đây và có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng gold trên chiếc ghế sofa gần chỗ D ngồi rồi đứng hát cùng khách. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày chị P phát hiện bị mất chiếc điện thoại nói trên. Qua kiểm tra hình ảnh ghi lại trong Camera, anh Đạt nghi ngờ D là người trộm cắp chiếc điện thoại của chị P đã trình báo Công an phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên. Tại Cơ quan công an D đã khai nhận: D thấy chị P sơ hở trong việc quản lý chiếc điện thoại, những người xung quanh không ai để ý, D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản này. D lén lút cầm chiếc điện thoại của chị P cho vào túi áo khoác đang mặc rồi đi xuống tầng 01 của quán hát tắt nguồn, tháo ốp điện thoại vứt vào xô rác, sau đó D đi sang bên đường phía trước quán hát và tháo sim ra khỏi điện thoại, giấu chiếc điện thoại vừa lấy trộm được vào cây nhỏ mọc trên bức tường rồi tiếp tục quay trở lại phòng hát thì bị phát hiện như nêu trên.

Tại Kết luận số 377/HĐĐGTS ngày 23/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận giá trị của chiếc điện thoại di động D đã chiếm đoạt của chị P - nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng gold, số IMEI 359309066931637, đã qua sử dụng là 3.000.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu đen trắng giá trị 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản D chiếm đoạt là **3.010.000 đ** (ba triệu, không trăm mười ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSTPTN ngày 22 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã truy tố Trần Mạnh D về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại, người chứng kiến cũng xác định thời gian, địa điểm và tài sản bị cáo đã chiếm đoạt như lời khai của bị cáo đã thừa nhận nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa đã giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Mạnh D phạm tội **“Trộm cắp tài sản”** quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xác định bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải); Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 9-12 tháng tù giam;

Về vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận mà hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

Người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin vắng mặt. Những người chứng kiến trong vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở cho Hội đồng xét xử làm căn cứ giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo thủ tục chung.

[2] **Về nội dung:** Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần

Mạnh D hoàn toàn thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời nhận tội tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người chứng kiến, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự và các tài liệu, chứng cứ khác. Chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi nêu trên của Trần Mạnh D là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, hành vi của bị cáo đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội ***“Trộm cắp tài sản”*** quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo nhận thức rõ tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác nhưng để thỏa mãn nhu cầu ích kỷ của bản thân, bị cáo đã bất chấp, coi thường pháp luật thực hiện hành vi phạm tội như nêu trên, do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo tại bản Cáo trạng nêu trên là có căn cứ. Nội dung của khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo bị xét xử theo các quy định nêu trên.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy: Bản thân bị cáo tuổi đời còn trẻ, song do thiếu ý thức tự giác rèn luyện, năm 2011 bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *“ Trộm cắp tài sản”* nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, nghiêm khắc sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục có hành vi phạm tội nêu trên. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng xét thấy bị cáo đã được xóa tiền sự, thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng, tính chất, mức độ phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Căn cứ khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định bị cáo

có đủ điều kiện để được coi là có nhân thân tốt. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh của bị cáo hiện nay gặp nhiều khó khăn do vợ chồng đã ly hôn, có 02 con chưa thành niên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của bị cáo. Mức án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tuy nhiên xét thấy không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, giao cho Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo. Tạo cơ hội cho bị cáo nhận thấy chính sách khoan hồng của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà quyết tâm sửa chữa lỗi lầm. Như vậy là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị phạt từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ...hoặc tịch thu 01 phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã hoàn trả bị hại tài sản do bị cáo chiếm đoạt, bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm dân sự trong vụ án này đã giải quyết xong.

[6] Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng gold, số IMEI 359309066931637 là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị P bị D chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã hoàn trả cho chị P là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo các quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331;332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các quy định: - Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 2,4,5,6 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331;332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Mạnh D** phạm tội: "**Trộm cắp tài sản**"

2. Xử phạt bị cáo Trần Mạnh D **9** (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, 18 tháng thử thách. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (27/02/2019);

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách ;

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự; Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong tại Cơ quan điều tra.

4. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý (hoàn trả chị P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng gold, số IMEI 359309066931637 là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị P bị D chiếm đoạt).

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Công an TPTN
- THADS TPTN
- Bị cáo; BH;
- Lưu hồ sơ
- Lưu BP HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúy Kiên

